

Bản án số: 38/2019/DS-ST.
Ngày: 08-4-2019.
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Phụng.
2. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long - tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án, thụ lý số: 259/2018/TLST-DS, ngày 06/12/2018, về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 223/2019/QĐ-ST ngày 26 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân VL. Địa chỉ: Số 64X, Khóm 5, phường C, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Bé N. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Lê M (có mặt), sinh năm 1971. Chức vụ Phó giám đốc (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/9/2018).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965 (vắng mặt) và ông Phạm Văn M, sinh năm 1962 (vắng mặt). Địa chỉ: Số 220/8B đường 14 tháng 9, phường N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/9/2018 của Quỹ tín dụng nhân dân VL do ông Bùi Lê M đại diện ủy quyền trình bày:

Ngày 20/6/2017, Quỹ tín dụng nhân dân VL có ký hợp đồng tín dụng với bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Văn M theo hợp đồng số 1-0006272 ngày 20/6/2017 để cho bà N và ông M vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 180 ngày, lãi suất vay 36.5%/năm, lãi quá hạn 54.75%/năm, lãi trả chậm 10%/năm, hình thức vay tín chấp, phương thức vay trả gốc, lãi hàng ngày. Sau khi vay bà N và ông M đã thanh toán được tiền nợ vay là 8.971.400 đồng và lãi là 1.515.000 đồng, tổng cộng đã trả 10.486.400 đồng, hiện nay còn nợ gốc là 6.028.600 đồng, lãi trong hạn 15.000 đồng, lãi quá hạn 10.935.000 đồng, lãi chậm trả 1.997 đồng, tổng cộng 16.980.597 đồng.

Tại tòa, ông M thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi do cách tính lãi theo đơn kiện không đúng theo hợp đồng mà phải tính lãi trên số dư nợ còn lại mới đúng, do đó Quỹ tín dụng nhân dân Vĩnh Long yêu cầu bà N và ông M trả số tiền 10.954.792 đồng, trong đó 6.028.600 đồng nợ gốc, lãi trong hạn 15.000 đồng, lãi quá hạn 4.910.295 đồng, lãi chậm trả 897 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N tại Tòa vắng mặt nhưng lời khai có tại hồ sơ đã trình bày: Bà N và ông M là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bà N thừa nhận ngày 20/6/2017, bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Văn M có ký hợp đồng vay với Quỹ tín dụng nhân dân Vĩnh Long theo hợp đồng số 1-0006272 ngày 20/6/2017 để vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 180 ngày, lãi suất vay 36.5%/năm, lãi quá hạn 54.75%/năm, lãi trả chậm 10%/năm, hình thức vay tín chấp, phương thức vay trả gốc, lãi hàng ngày. Sau khi vay bà N và ông M đã thanh toán được tiền nợ vay là 8.971.400 đồng và lãi là 1.515.000 đồng, tổng cộng đã trả 10.486.400 đồng, bà N thừa nhận hiện nay còn nợ gốc là 6.028.600 đồng, lãi trong hạn 15.000 đồng, lãi quá hạn 10.935.000 đồng, lãi chậm trả 1.997 đồng, tổng cộng 16.980.597 đồng.

Về phía ông Phạm Văn M được Tòa án thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến trả lời. Tòa án nhiều lần thông báo hòa giải và triệu tập xét xử nhưng ông vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn Quỹ TD với bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Văn M được xác định là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Văn M cư ngụ tại số 220/8B đường 14 tháng 9, phường N, thành phố Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Văn M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông M theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1-0006272 ngày 20/6/2017 giữa Quỹ TD và bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Văn M được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của hai bên, theo hợp đồng bà N và ông M đồng ý vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 180 ngày, lãi suất vay 36,5%/năm, lãi quá hạn 54,75%/năm, lãi trả chậm 10%/năm, hình thức vay tín chấp, phương thức vay trả gốc, lãi hàng ngày. Sau khi vay bà N và ông M đã thanh toán được tiền nợ vay là 8.971.400 đồng và lãi là 1.515.000 đồng, tổng cộng đã trả 10.486.400 đồng thì ngưng kể từ ngày 29/9/2017 đến nay không thanh toán. Như vậy, bà N và ông M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được thỏa thuận theo hợp đồng do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp Điều 463 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

Xét số tiền vốn vay bà N và ông M có thỏa thuận lãi suất bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt chậm thanh toán, tại biên bản hòa giải ngày 28/01/2019 bà N cũng thừa nhận và đồng ý thanh toán nợ gốc là 6.028.600 đồng, đồng ý thanh toán lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả theo hợp đồng. Xét thỏa thuận này của các đương sự phù hợp quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam “Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng”. Do đó, nguyên đơn yêu cầu được tính lãi suất theo thỏa thuận hợp đồng là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông M và bà N phải thanh toán vốn vay và tiền lãi còn nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng đã ký kết là 10.954.792 đồng.

[4] Về án phí: Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bà N và ông M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;
Quỹ TD không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39 và 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ TD.

- Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Văn M phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân VL số tiền 10.954.792 đồng (Mười triệu chín trăm năm mươi bốn ngàn bảy trăm chín mươi hai đồng), trong đó vốn gốc là 6.028.600 đồng, lãi trong hạn 15.000 đồng, lãi quá hạn 4.910.295 đồng, lãi chậm trả 897 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Văn M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của tổ chức tín dụng cho vay.

2. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Văn M phải chịu 548.000 đồng (Năm trăm bốn mươi tám ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Quỹ TD số tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 27/11/2018 là 342.000 đồng theo biên lai thu số N₀ 0004148 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- Viện Kiểm Sát TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Mỹ Dung